

Bản án số: 45/2022/HNGĐ-ST

Ngày: 09 – 8 – 2022

V/v Không công nhận quan hệ vợ chồng.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ S, TỈNH SÓC TRĂNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Vương Thị Lệ Hằng

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Nguyễn Phước

Ông Đào Khel

- Thư ký phiên tòa: Bà Văn Ngọc Hân – Thư ký Tòa án nhân dân thành phố S, tỉnh Sóc Trăng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố S, tỉnh Sóc Trăng tham gia phiên tòa: Bà Phạm Thúy Trang – Kiểm sát viên.

Ngày 09 tháng 8 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố S, tỉnh Sóc Trăng xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 121/2022/TLST-HNGĐ ngày 27 tháng 4 năm 2022, về “*Không công nhận quan hệ vợ chồng*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 111/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 07 tháng 7 năm 2022, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Bà Phạm Thị Thanh T, sinh năm 1983; Địa chỉ: Số nhà 187, Quốc lộ 1, Khóm A, Phường B, thành phố S, tỉnh Sóc Trăng; Chỗ ở hiện nay: Ấp V, xã L, thành phố T, tỉnh Trà Vinh (có mặt).

- Bị đơn: Ông Trang Phước T, sinh năm 1975; Địa chỉ: Số 59, đường N, Khóm A, Phường B, thành phố S, tỉnh Sóc Trăng (vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* Theo đơn khởi kiện ngày 13 tháng 4 năm 2022 và tại phiên tòa, nguyên đơn bà Phạm Thị Thanh T trình bày:

Bà và ông Trang Phước T kết hôn với nhau vào ngày 08/10/2000 nhưng không đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật. Cuộc sống hôn nhân của ông bà không hạnh phúc, thường xảy ra mâu thuẫn, bất hòa. Ông bà đã hòa giải hàn gắn tình cảm nhiều lần nhưng không thể tiếp tục chung sống với nhau được nữa và đã sống ly thân từ tháng 9/2019 cho đến nay. Trong thời gian chung sống, ông bà sinh được một người con chung tên Trang Tuấn A, sinh ngày 01/6/2002. Về tài sản chung và nợ chung: Không có.

Tại phiên tòa, bà Phạm Thị Thanh T yêu cầu Tòa án giải quyết:

- Về quan hệ hôn nhân: Bà yêu cầu không công nhận quan hệ vợ chồng với ông Trang Phước T.
- Về con chung: Con chung Trang Tuấn A đã trưởng thành nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.
- Về tài sản chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.
- Về nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

* Tại phiên tòa, Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố S tham gia phiên tòa trình bày ý kiến: Việc xác định quan hệ pháp luật tranh chấp và xác định tư cách của người tham gia tố tụng trong vụ án là đúng quy định của pháp luật; Việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Thư ký, Hội đồng xét xử và những người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý vụ án đến trước thời điểm Hội đồng xét xử vào nghị án đã chấp hành đúng các quy định của pháp luật về tố tụng dân sự. Căn cứ vào các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, qua thẩm tra chứng cứ tại phiên tòa, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Phạm Thị Thanh T.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ pháp luật tranh chấp và thẩm quyền giải quyết:

Theo nội dung đơn khởi kiện ngày 13/4/2022, bà Phạm Thị Thanh T và ông Trang Phước T chung sống với nhau vào năm 2000 nhưng ông bà không đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật và bà Phạm Thị Thanh T yêu cầu không công nhận quan hệ vợ chồng với ông Trang Phước T. Tòa án nhân dân thành phố S, tỉnh Sóc Trăng thụ lý vụ án và xác định quan hệ pháp luật tranh chấp giải quyết “Không công nhận quan hệ vợ chồng” là đúng theo quy định tại khoản 8 Điều 28 Bộ luật Tố tụng dân sự. Trong vụ án, bị đơn ông Trang Phước T cư trú tại thành phố S, tỉnh Sóc Trăng nên Tòa án nhân dân thành phố S thụ lý giải quyết là đúng thẩm quyền theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Bị đơn ông Trang Phước T đã được Tòa án triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt tại phiên tòa không lý do. Căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 và khoản 3 Điều 235 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử quyết định xét xử vắng mặt ông Trang Phước T và căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ để giải quyết.

[3] Về nội dung khởi kiện của nguyên đơn bà Phạm Thị Thanh T:

[3.1] Về quan hệ hôn nhân:

Căn cứ vào đơn khởi kiện và lời trình bày của bà Phạm Thị Thanh T tại phiên tòa, bà và ông Trang Phước T kết hôn vào năm 2000 nhưng không đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật. Tại Công văn số 363/UBND ngày 09/6/2022 của Ủy ban nhân dân Phường A, thành phố S, tỉnh Sóc Trăng và Công văn số 42/UBND-HC ngày 10/6/2022 của Ủy ban nhân dân Phường B, thành phố S, tỉnh Sóc Trăng đã xác định trong sổ bộ lưu kết hôn từ năm 2000 đến nay, không có tên bà Phạm Thị Thanh T và ông Trang Phước T đăng ký kết

hôn. Từ đó có thể xác định bà Phạm Thị Thanh T và ông Trang Phước T không đăng ký kết hôn theo quy định là sự thật.

Xét lý do yêu cầu khởi kiện, bà Phạm Thị Thanh T cho rằng: Trong thời gian chung sống, ông bà phát sinh nhiều mâu thuẫn, bất đồng ý kiến dẫn đến cuộc sống vợ chồng không được hạnh phúc. Ông bà đã nhiều lần hàn gắn tình cảm nhưng không thành và sống ly thân từ tháng 9/2019 cho đến nay. Xét lời trình bày của bà Phạm Thị Thanh T, Hội đồng xét xử nhận thấy giữa bà Phạm Thị Thanh T và ông Trang Phước T sống chung với nhau từ năm 2000 nhưng không có đăng ký kết hôn và đến nay quan hệ tình cảm giữa các bên thực sự không còn, ông bà đã sống ly thân một thời gian dài mà không thể hàn gắn lại được. Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án nhân dân thành phố Sóc Trăng đã tổng đạt các văn bản tố tụng cho ông Trang Phước T. Ông Trang Phước T đã nhận nhưng không phản đối những tình tiết, tài liệu bà Phạm Thị Thanh T đưa ra. Căn cứ vào khoản 2 Điều 92 của Bộ luật Tố tụng dân sự về những tình tiết, sự kiện không phải chứng minh, Hội đồng xét xử xác định mâu thuẫn giữa vợ chồng ông bà là có thật. Xét thấy tình cảm vợ chồng của ông bà đã trở nên trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Vì vậy, Hội đồng xét xử căn cứ vào các Điều 9, 14 và khoản 2 Điều 53 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014, chấp nhận yêu cầu của bà Phạm Thị Thanh T và tuyên bố không công nhận quan hệ vợ chồng giữa bà Phạm Thị Thanh T và ông Trang Phước T.

[3.2] Về con chung: Trong thời gian chung sống, bà Phạm Thị Thanh T và ông Trang Phước T sinh được một người con chung Trang Tuấn A (nam, sinh ngày 01/6/2002). Do cháu Trang Tuấn A đã trưởng thành, bà Phạm Thị Thanh T không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét giải quyết.

[3.3] Về tài sản chung: Bà Phạm Thị Thanh T xác định trong thời gian chung sống, ông bà không tạo lập được tài sản chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét giải quyết.

[3.4] Về nợ chung: Bà Phạm Thị Thanh T xác định ông bà không có nợ chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét giải quyết.

[4] Từ những phân tích nêu trên, xét đề nghị của Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố S là có căn cứ nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[5] Về án phí dân sự sơ thẩm: Căn cứ vào khoản 4 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án, bà Phạm Thị Thanh T phải chịu 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) tiền án phí dân sự sơ thẩm xin ly hôn. Ông Trang Phước T không phải chịu án phí.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ: Khoản 8 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Khoản 2 Điều 92, khoản 4 Điều 147, điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228, khoản 3 Điều 235, Điều 271, 273 và Điều 280 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Điều 9, 14 và khoản 2 Điều 53 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; Điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Phạm Thị Thanh T.

1. Về quan hệ hôn nhân: Tuyên bố không công nhận quan hệ vợ chồng giữa bà Phạm Thị Thanh T và ông Trang Phước T.

2. Về con chung: Bà Phạm Thị Thanh T xác định ông bà sinh được một người con chung Trang Tuấn A (nam, sinh ngày 01/6/2002). Cháu Trang Tuấn A đã thành niên, bà Phạm Thị Thanh T không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét giải quyết.

3. Về tài sản chung: Bà Phạm Thị Thanh T xác định trong thời gian chung sống, ông bà không tạo lập được tài sản chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét giải quyết.

4. Về nợ chung: Bà Phạm Thị Thanh T xác định ông bà không có nợ chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét giải quyết.

5. Về án phí dân sự sơ thẩm: Bà Phạm Thị Thanh T phải chịu 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) tiền án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0000426 ngày 15 tháng 4 năm 2022 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố S, tỉnh Sóc Trăng. Bà Phạm Thị Thanh T đã nộp xong án phí. Ông Trang Phước T không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm.

6. Về quyền kháng cáo bản án: Bà Phạm Thị Thanh T có quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày, kể từ ngày tuyên án sơ thẩm. Đối với ông Trang Phước T có quyền kháng cáo bản án này kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết theo quy định.

7. Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a và 9 của Luật Thi hành án dân sự (đã được sửa đổi, bổ sung); thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật Thi hành án dân sự (đã được sửa đổi, bổ sung).

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Sóc Trăng;
- VKSND thành phố S;
- CC THADS thành phố S;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Vương Thị Lệ Hằng